

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 3583/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 08 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ
Krông Búk đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

TRƯỞNG BAN ĐẮK LẮK

Số: 3583/QĐ-UBND

Ngày: 11/12/2009

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy

hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng

hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Xét đề án Quy hoạch chung xây dựng Trung tâm huyện lỵ Krông Búk, huyện

Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk do Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam --

Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị - Nông thôn lập kèm theo Tờ trình số: 148/TTr-

UBND ngày 02/11/2009 của UBND huyện Krông Búk, về việc đề nghị thẩm định và

phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng Trung tâm huyện lỵ Krông Búk được sở Xây

dựng thẩm định và trình phê duyệt tại Tờ trình số 1575/TTr-SXD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Trung tâm huyện lỵ Krông Búk
đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch xây dựng:

Tổng diện tích tự nhiên quy hoạch Trung tâm huyện lỵ Krông Búk khoảng
1.870 ha, bao gồm xã Cư Né: 910ha; xã Chư KBô: 935ha; xã Cư Pong: 25ha được
giới hạn bởi:

- Phía Bắc : Giáp xã Cư Né;
- Phía Nam : Giáp xã Chư K'Bô;
- Phía Đông : Giáp xã Cư Né và Chư K'Bô;
- Phía Tây : Giáp xã Chư KBô, xã Cư Pong và xã Cư Né.

2. Tính chất:

- Là đô thị sinh thái có bản sắc, có vai trò vị thế trong hệ thống đô thị vùng
tỉnh;

- Trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật vùng huyện Krông Búk;

- Đô thị sinh thái với vẻ đẹp đặc trưng riêng, có chất lượng sống tốt, phát triển bền vững.

3. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng (năm 2008) : 8.000 người;

- Năm 2015 : 15.000 người.

- Năm 2025 : 25.000 người.

4. Đất xây dựng đô thị:

- Hiện trạng (năm 2008) : 0 ha.

- Năm 2015 : 386 ha.

- Năm 2025 : 685 ha.

5. Cơ cấu sử dụng đất đai:

T T	Hạng mục	Giai đoạn 2015			Quy hoạch 2025		
		Diện tích (ha)	%	m2/ng	Diện tích (ha)	%	m2/ng
	Tổng diện tích đất toàn đô thị (I+II)	1.870			1.870		-
I	Đất xây dựng đô thị	386,00	100,00	257,33	685,00	100,00	274,00
1	Đất dân dụng	209,81	54,35	139,87	382,06	55,78	152,82
-	Đất ở	132,00	34,20	88,00	245,00	35,77	98,00
-	Đất CTCC đô thị	15,15	3,92	10,10	23,25	3,39	9,30
-	Đất cây xanh, TDTT	14,00	3,63	9,33	46,47	6,78	18,59
-	Đất giao thông nội thị	48,66	12,61	32,44	67,34	9,83	26,94
2	Đất ngoài dân dụng	176,19	45,65	117,46	302,94	44,22	121,18
-	Đất CN, TTCN, kho tàng	15,00	3,89	10,00	34,00	4,96	13,60
-	Giao thông đối ngoại	55,38	14,35	36,92	55,38	8,08	22,15
-	Đất cơ quan, trường chuyên nghiệp	24,98	6,47	16,65	35,44	5,17	14,18
-	Đất cây xanh cảnh quan, cách ly	54,23	14,06	36,19	149,57	21,84	59,83
-	Đất thương mại, dịch vụ du lịch	18,00	4,66	12,00	18,00	2,63	7,20
-	Đất an ninh quốc phòng	4,55	1,18	3,03	4,55	0,66	1,82
-	Thủy lợi, CT đầu mối	4,00	1,04	2,67	6,00	0,88	2,40

T T	Hạng mục	Giai đoạn 2015			Quy hoạch 2025		
		Diện tích (ha)	%	m2/ng	Diện tích (ha)	%	m2/ng
	hạ tầng kỹ thuật						
II	Đất khác	1484,2			1185,0		
	Đất nông nghiệp + ở	1343,2			1013,7		
-	kết hợp sản xuất	3			5		
-	Đất lâm nghiệp	11,00			9,25		
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	10,00			20,00		
	Đất sông suối, mặt nước	120,0			142,00		

6. Định hướng phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị:

a) Phân khu chức năng:

- Khu trung tâm hành chính, cơ quan: Xây dựng mới tại khu vực trung tâm trên trục ngang chính đô thị hướng Đông - Tây, kết hợp với quảng trường, lâm viên (rừng thông hiện hữu);

- Khu trung tâm thương mại nằm tiếp giáp Quốc lộ 14 nần thẳng và phía Tây trục ngang chính;

- Trung tâm Y tế: Bố trí tiếp cận phía Nam Quốc lộ 14 hiện hữu;

- Trung tâm giáo dục: Giữ lại trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ, bố trí thêm các trung tâm giáo dục thường xuyên, trường dân tộc nội trú, trung tâm bồi dưỡng chính trị trên trục dọc phía Đông trung tâm huyện lỵ;

- Trung tâm văn hóa - TDTT: Bố trí trục dọc phía Đông khu trung tâm;

- Cụm công nghiệp - TTCN: Quy mô 34 ha ở phía Nam;

- Hình thành chuỗi 3 khu ở từ Bắc xuống Nam:

+ Khu ở phía Bắc: Khu ở truyền thống, mang bản sắc kiến trúc truyền thống buôn làng của đồng bào dân tộc vùng Tây Nguyên, trên cơ sở giữ gìn, tôn tạo và phát triển;

+ Khu ở trung tâm: Khu ở tập trung kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ, xây dựng với mật độ cao;

+ Khu ở phía Nam: Khu ở nhà vườn mật độ thấp gồm nhà ở hiện trạng chỉnh trang và xen cây xây dựng mới.

b) Kiến trúc và tổ chức không gian:

- Không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị được tổ chức trên cơ sở các trục không gian chính đô thị: Quốc lộ 14 và trục ngang chính theo hướng Đông - Tây. Từ đây hình thành khu đô thị trung tâm với các công trình hành chính - chính trị, dịch vụ công cộng, thương mại hỗn hợp, kết hợp với khu nhà ở thương mại tập trung mật độ

cao ... nhằm tạo bộ mặt không gian kiến trúc Khang trang, bề thế, nhộn nhịp cho khu trung tâm cho đô thị. Các công trình kiến trúc khuyến khích thiết kế mô phỏng theo kiểu kiến trúc Tây Nguyên để tạo bản sắc riêng cho đô thị;

- Về phía Bắc là không gian đô thị truyền thống mang đậm bản sắc kiến trúc buôn làng của dân tộc vùng Tây Nguyên. Các công trình khai thác tối đa đường nét kiến trúc địa phương, chất liệu, màu sắc, Đô thị phát triển trên cơ sở bảo tồn và phát triển bản sắc dân tộc, hài hòa cảnh quan thiên nhiên, địa hình khu vực;

- Khu đô thị phía Nam là khu ở hiện hữu xen kẽ xây dựng mới với mật độ thấp, tận dụng địa hình cảnh quan sông suối khu vực tạo không gian, môi trường ở sinh thái, hài hòa với cảnh quan khu vực.

7. Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 14: Nối thẳng đoạn qua khu trung tâm, đây là tuyến đường tuyến giao thông đối ngoại và là trục chính đô thị, chỉ giới đường đỏ là 100m;

+ Đường N6: Là trục chính đô thị và giao thông đối ngoại đi các xã lân cận, lộ giới 50m bao gồm dải phân cách 4m, mặt đường 10,5mx2, vỉa hè 12,5mx2.

*** Đường trục chính và khu vực đô thị:**

- Quốc lộ 14: Vừa là giao thông đối ngoại vừa là trục giao thông chính đô thị: Chỉ giới đường đỏ là 100m. Trong giai đoạn đầu xây dựng 37m gồm: mặt đường 11,5m x2, dải phân cách 2m, vỉa hè 6m x2;

- Đường N6: Vừa là giao thông đối ngoại, vừa là trục ngang chính đô thị, lộ giới 50m;

- Đường khu vực nối kết các khu chức năng đô thị và là tuyến đường vành đai của trung tâm lộ giới 27m, bao gồm:.

+ Lòng đường 15 m (gồm 4 làn xe x 3,75m = 15m);

+ Hè hai bên 6m x 2 = 12 m.

*** Đường nội bộ:**

- Là đường giao thông nội bộ trong từng khu chức năng, lộ giới 16m gồm:

Lòng đường 8m (bao gồm 2 làn xe x 3,75 = 7,5m, 0,5m là dải an toàn giữa các làn xe và bó vỉa), Hè hai bên 4m x 2 = 8m.

*** Công trình giao thông**

- Bến xe liên tỉnh: Bố trí một bến xe liên tỉnh khu vực phía Bắc đô thị, diện tích khoảng 3,46 ha;

- Phương tiện giao thông hành khách nội thị: Hiện tại và trong tương lai phương tiện giao thông hành khách nội thị chủ yếu vẫn là phương tiện cá nhân xe đạp, xe máy, ô tô tải loại nhẹ, ô tô con. Dự kiến tổ chức tuyến ô tô công cộng theo hướng Đông Tây và Bắc Nam để phục vụ dân đô thị và khách du lịch.

Tổng hợp quy hoạch hệ thống giao thông đến năm 2025

TT	Hạng mục	Lộ giới (m)	Mặt cắt quy hoạch (m)		
			Mặt đường	Vĩa Hè	P/cách
A	GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI				
1	Quốc lộ 14	100	37	25,5+25, 5	4 + 4 + 4
2	Đường N6	50	21	12,5+12, 5	4
B	GIAO THÔNG ĐỐI NỘI				
3	Quốc lộ 14 (hiện hữu)	27	15	6 + 6	
4	Đường N1	27	15	6 + 6	
4	Đường N2	27	15	6 + 6	
5	Đường N3	27	15	6 + 6	
6	Đường N4	16	8	4 + 4	
7	Đường N5	16	8	4 + 4	
8	Đường N7	27	15	6 + 6	
9	Đường N8	27	15	6 + 6	
10	Đường N9	16	8	4 + 4	
11	Đường D1	27	15	6 + 6	
12	Đường D2	16	8	4 + 4	
13	Đường D3	27	15	6 + 6	
14	Đường D4	16	8	4 + 4	
15	Đường D5	16	8	4 + 4	
15	Đường D6	16	8	4 + 4	

b) San nền- thoát nước mưa :

- San nền: Bám sát với nền tự nhiên, giữ nguyên hướng dốc ban đầu, thay đổi các cốt không chế đảm bảo độ dốc mặt thiết kế không quá 10%;

- Thoát nước mưa: Xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải sinh hoạt. Hướng thoát nước mưa xây dựng mới được tính toán phân chia thành nhiều lưu vực nhỏ phù hợp với địa hình tự nhiên:

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới hoàn toàn, nước mưa thu về các cống chạy dọc theo đường giao thông đổ về các suối qua cửa xả;

+ Phía Tây dọc Quốc lộ 14 tổ chức thoát nước trực tiếp ra các vùng trũng, nước chảy tự nhiên bề mặt, một phần thấm xuống đất, một phần chảy xuống các vùng thấp hơn ở phía Tây.

c) Quy hoạch cấp nước:

- **Nguồn nước:** Trước mắt sử dụng nguồn nước ngầm là nguồn cung cấp chính cho trung tâm huyện lỵ Krông Búk. Tương lai, khi xây dựng thêm đập ngăn dòng và hồ chứa nước gần đô thị, có thể sử dụng thêm nguồn nước mặt để bổ sung cho nguồn nước ngầm hiện nay;

- Xây dựng một nhà máy để khai thác và xử lý nước ngầm đạt tiêu chuẩn vệ sinh mới đưa vào sử dụng, vị trí nhà máy nước đặt tại trung tâm thị trấn Krông Búk.

- **Tiêu chuẩn dùng nước:**

+ Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tới năm 2015: 100 l/người - ngày với 90% dân số được cấp nước Số dân tính toán đến năm 2015: 15.000 người;

+ Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tới năm 2025: 120 l/người - ngày với 100% dân số được cấp nước;

+ Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp: 30 m³/ha/ngày;

+ Hệ số dùng nước không điều hòa ngày đêm K_{ng} = 1,2 - 1,4 (chọn K_{ng} = 1,3)

- **Mạng lưới phân phối:**

+ Từ nhà máy nước, ống chính dẫn về đô thị bằng ống Φ400, từ đây chia thành nhiều tuyến Φ200 – Φ150 – Φ100 theo các trục giao thông dẫn nước về các khu dân cư. Các tuyến này được nối với nhau tạo thành mạng lưới khép kín, nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục cho các khu vực, hệ thống cấp nước được xây dựng trên lề đường cách mặt đất 1m – 1,2m và cách móng công trình 1,5m;

+ Tại nhà máy nước đặt bơm biến tần để duy trì áp lực trong đường ống luôn ổn định.

d) Quy hoạch cấp điện:

- **Nguồn điện :** Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch trong giai đoạn đầu là tuyến 22kV từ trạm biến thế 110kV E47 đến. Khi trạm biến thế 110/22kV Ea H'Leo và Cư M'gar được xây dựng xong, cần nối tuyến 22kV về hai trạm này để tăng độ an toàn trong cung cấp điện.

- **Chỉ tiêu cấp điện:**

Chỉ tiêu cấp điện cho khu vực quy hoạch được lấy theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008/BXD do Bộ Xây Dựng ban hành năm 2008 :

+ Đợt đầu đến năm 2015 : 400 kWh/người/năm (200W/người).

+ Tương lai đến năm 2025: 1.000 kWh/người/năm (330W/người).

- **Lưới điện :**

+ Các tuyến 22kV hiện hữu được giữ lại, cải tạo nâng công suất truyền tải, di chuyển theo việc mở rộng lòng lề đường;

+ Xây dựng các tuyến trung thế vào các khu vực mới quy hoạch. Các tuyến 22kV tạo thành mạch vòng kín (vận hành hở) để tăng độ an toàn cấp điện. Khi điều kiện kinh tế cho phép, sẽ chuyển các đường dây nổi thành cáp ngầm;

+ Các trạm hạ thế 22/0,4kV được bố trí tại các trung tâm phụ tải điện. Lưới điện hạ thế (cung cấp và chiếu sáng). Trong thời gian đầu, do điều kiện kinh tế chưa

cho phép thì sử dụng đường dây nổi, dùng cáp vặn xoắn (cáp ABC) hoặc cáp bọc nhựa đi trên trụ bê tông ly tâm cao 8,5m, tương lai nên sử dụng cáp ngầm, nhất là ở khu trung tâm đô thị;

+ Lưới điện chiếu sáng cần đảm bảo về mỹ quan cho đô thị, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn 20 – TCN95-03 của Bộ Xây dựng.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

e.1. Hệ thống thoát nước thải :

e.1.1, Tiêu chuẩn và lưu lượng nước thải:

- Tiêu chuẩn thoát nước = 80% lượng nước cấp;
- Hệ số không điều hòa ngày $K_{ng} = 1,15 - 1,3$ (chọn $K_{ng} = 1,3$);
- Nước thải cho các công trình công cộng $Q_{cc} = 10\% Q_{sh}$;
- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt:
- + Đến năm 2015 là 1.600 ($m^3/ngày$) ;
- + Đến năm 2025 là 3.500 ($m^3/ngày$).
- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp:
- + Đến năm 2015 là 400 ($m^3/ngày$) ;
- + Đến năm 2025 là 1.000 ($m^3/ngày$).

e.1.2. Định hướng hệ thống thoát nước thải đến năm 2025:

Xây dựng 2 hệ thống thoát nước riêng: Nước mưa chảy thẳng ra sông suối và nước thải chảy về khu xử lý, làm sạch trước khi xả ra ngoài:

+ Đối với nước thải sinh hoạt đô thị: Nước thải từ các công trình được xử lý bằng hệ thống tự hoại trước khi thoát vào cống thoát nước thải để về trạm xử lý, làm sạch nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép TCVN 6772-2000, nước thải sau khi làm sạch chảy vào cống nước mưa thoát ra suối. Vị trí trạm xử lý nước thải ở phía Tây của đô thị, gần suối Ea Nur, công suất 3.500 $m^3/ngày$;

+ Đối với nước thải công nghiệp: Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 1.000 $m^3/ngày$ nằm trong dự án cụm công nghiệp, làm sạch nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép TCVN 5945-2005 loại A, nước thải sau khi làm sạch chảy vào cống nước mưa thoát ra suối.

e.1. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Rác được tập trung trong các thùng 0,33 m^3 đặt tại các góc đường trong khu dân cư, bến xe và trong các khu dịch vụ, chợ, sau đó được Công ty quản lý CTCC đến thu gom và đưa đến bãi rác;

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 1kg/người/ngày;

- Dự kiến đến năm 2015 sẽ có 15 tấn rác/ngày và đến năm 2025 có 25 tấn rác/ngày. Cần phải có 2 xe chuyên dùng để vận chuyển rác ra khỏi trung tâm huyện lỵ Krông Búk trong ngày, không xây dựng bãi rác tập trung trong đô thị tránh gây ô nhiễm môi trường;

- Bãi rác được xây dựng ở phía Tây quy mô khoảng 11ha và cách trung tâm huyện 1,5 km trên đường đi đến xã Cu Pong.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu:

Tập trung xây dựng xây dựng khu vực trung tâm và dọc đường Quốc lộ 14 tạo bộ mặt đô thị và phục vụ công tác quản lý, ưu tiên xây dựng các công trình:

- Hành chính - Chính trị - Cơ quan: UBND huyện, các phòng ban, Huyện Ủy, Khối Đoàn thể, Hội trường, Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, UBND thị trấn Krông Búk ...

- Các công trình dịch vụ: Kho bạc, Ngân hàng, Bưu điện, Chi cục thuế, Bảo hiểm, Điện lực;

- Trung tâm y tế, Giáo dục - Văn hóa: Xây dựng Bệnh viện đa khoa, Trung tâm dạy nghề, Trường dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm bồi dưỡng Chính trị (quy mô giai đoạn 1);

- Tận dụng quỹ đất khai thác trục Quốc lộ 14, phía Tây Nam trục chính Đông - Tây bố trí các công trình dịch vụ công cộng, văn phòng đại diện, ... kêu gọi đầu tư, tạo nguồn tài chính xây dựng đô thị;

- Công trình thương mại - dịch vụ: Trung tâm thương mại, chợ trung tâm, chợ đầu mối bến xe liên tỉnh...

- Cải tạo mở rộng kết hợp xây dựng mới các công trình công cộng phục vụ đơn vị ở 1, 2, 3: Sử dụng các công trình hiện hữu như trường THCS Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, trường tiểu học Mai Thúc Loan và Hai Bà Trưng. Xây dựng mới trường THCS tại trung tâm và 1 trường tiểu học đơn vị ở 1, 3 trường mầm non đơn vị ở 1,2,3;

- Xây dựng mới các công trình: Nhà sinh hoạt cộng đồng, dịch vụ công cộng - thương mại phục vụ hàng ngày;

- Tập trung xây dựng mới khu ở trung tâm.

9. Hồ sơ và chi phí lập quy hoạch xây dựng:

a) Hồ sơ quy hoạch:

Số TT	TÊN BẢN VẼ - HỒ SƠ	KÝ HIỆU	TỶ LỆ
I	Phần bản vẽ		
01	Sơ đồ vị trí và mối quan hệ vùng.	KT-01	1/50.000
02	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	KT-02	1/2.000
03	Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	KT-03	1/2.000
04	Sơ đồ cấu trúc không gian đô thị	KT-04	1/5.000
05	Sơ đồ định hướng phát triển không gian đến năm 2025	KT-05	1/2.000
06	Sơ đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đô thị đến năm 2025.	KT-06	1/2.000

07	Sơ đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đô thị đến năm 2015.	KT-07	1/2.000
08	Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật đến năm 2025	KT-08	1/2.000
09	Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật đến năm 2015	KT-09	1/2.000
10	Sơ đồ định hướng hệ thống giao thông đến năm 2025.	KT-10	1/2.000
11	Sơ đồ định hướng hệ thống giao thông đến năm 2015.	KT-11	1/2.000
12	Sơ đồ định hướng hệ thống cấp nước đến năm 2025	KT-12	1/2.000
13	Sơ đồ định hướng hệ thống cấp nước đến năm 2015	KT-13	1/2.000
14	Sơ đồ định hướng hệ thống cấp điện đến năm 2025	KT-14	1/2.000
15	Sơ đồ định hướng hệ thống cấp điện đến năm 2015	KT-15	1/2.000
16	Sơ đồ định hướng hệ thống thoát nước thải đến năm 2025	KT-16	1/2.000
17	Sơ đồ định hướng hệ thống thoát nước thải đến năm 2015	KT-17	1/2.000
18	Sơ đồ đánh giá tác động môi trường	KT-18	1/2.000
19	Hướng dẫn thiết kế đô thị	KT-19	
II	Phần văn bản		
01	Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt		A4
04	Bản vẽ thu nhỏ A3 (trong thuyết minh tổng hợp)		A3

b- Chi phí lập quy hoạch:

Sau khi quy hoạch xây dựng được duyệt, giao trách nhiệm cho UBND huyện Krông Búk có trách nhiệm lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc thực tế đã thực hiện đối chiếu chi phí dự toán lập quy hoạch được duyệt để thống nhất chi phí quyết toán theo trình tự, quy định hiện hành.

Điều 2:

a) Căn cứ quy hoạch được duyệt với những nội dung chính nêu trên, UBND huyện Krông Búk và các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các Chủ đầu tư xây dựng biết, thực hiện. Đồng thời, làm căn cứ thực hiện quản lý đất đô thị và xây dựng đô thị;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Krông Búk đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt giao cho

UBND huyện Krông Búk công bố rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân biết kiểm tra và thực hiện;

c) Giao cho UBND huyện Krông Búk lập hồ sơ cắm mốc các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch chung xây dựng được duyệt làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch;

d) Ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện Krông Búk ban hành điều lệ quản lý quy hoạch để quản lý xây dựng theo quy hoạch trong thời gian 60 ngày, kể từ khi quy hoạch chung xây dựng được duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên & Môi trường, đảm bảo việc quản lý quy hoạch theo pháp luật. Nội dung quy chế theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2007/TT-BXD ngày 10/9/2007 của Bộ Xây dựng;

e) Trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng được duyệt, UBND huyện Krông Búk chỉ đạo các phòng chức năng chuyên môn xây dựng kế hoạch, lập quy hoạch chi tiết xây dựng hàng năm để làm cơ sở quản lý, lập kế hoạch đầu tư xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn phân loại đô thị. Quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần có những điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch được duyệt, UBND huyện Krông Búk tổng hợp ý kiến địa phương, báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra và đề xuất UBND tỉnh quyết định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Krông Búk, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TTHĐND tỉnh(b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công báo; - TT Tin học;
- Website tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu VT, CN (CG-26b).

(QBUD-QHchung cấp trên là Ủy Krông Búk)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Khiết